

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thu Hà

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 337/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Ngọc T, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số 06 Tôn Đức Thắng, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Huyền P, sinh năm 1988, nơi cư trú: 375/22, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 25 /10/2018 và trong quá trình tố tụng, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn - Ông Châu Ngọc T trình bày:

Ông và bà P do quen biết và tự tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C.

Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau bên gia đình bên vợ, cuộc sống êm ấm hạnh phúc đến đầu năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng do bất đồng trong chuyện tiền bạc, mâu thuẫn giữa hai bên gia đình, từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin

tưởng nhau nữa nên không tìm được hạnh phúc gia đình, ông và bà P đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay gần 9 tháng. Trong quá trình ly thân giữa ông và bà P không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà P, ông yêu cầu ly hôn với bà P.

- Về con chung: Giữa ông và bà P không có con chung.
- Về tài sản chung: Trong Đơn khởi kiện ông trình bày là không có, nhưng nay ông xác định giữa ông và bà P có tài sản chung của vợ chồng, nhưng tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông xác định trong thời gian vợ chồng chung sống, ông và bà P không có nợ ai và cũng không ai nợ ông bà.

Theo Tờ Tờ trình ngày 20/01/2019 và trong quá trình tố tụng, lời khai tại phiên tòa, bị đơn – Bà Đinh Thị Huyền P trình bày: Bà xác định về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như ông T trình bày là đúng.

- Về hôn nhân: Sau khi bà và ông T kết hôn, vợ chồng bà về sống bên gia đình bà để cho ông T tiện đi làm, thời điểm đó ông T đi làm ở thành phố X. Trong quá trình ông bà chung sống giữa bà và ông T không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên có sự hiểu lầm giữa ông T với mẹ bà trong nếp sinh hoạt thường ngày, nhưng do ông T không đồng ý ngồi lại nói chuyện để giải tỏa hiểu lầm giữa hai bên.

Về vấn tiền bạc của vợ chồng, bà xác định ông T đi làm hàng tháng có đưa tiền cho bà giữ, bà chỉ muốn giữ cho ông T để gây dựng cùng lo cho con về sau khi sinh con, khi ông T cần tiền để làm ăn có yêu cầu bà đưa tiền bà cũng đồng ý đưa, nhưng do tiền gửi Ngân hàng bà không thể đưa liền nên ông T hiểu lầm là bà không muốn đưa.

Về chỗ ở của vợ chồng, khi ông T chuyển về huyện E làm và kêu bà về nhà ba ông bên huyện F để ở thì bà có về ở, nhưng do bà dạy học ở Cần Đăng có sự bất tiện về thời gian đi lại, nên khi ông T đi công tác thì để tiện đi làm bà về nhà mẹ ruột bên huyện C ở, khi đó ông T không nói gì, nhưng sau đó ông T không hài lòng.

Về thời gian ly thân, bà xác định không đúng như ông T trình bày từ tháng 8 năm 2018, vì khi ông T chuyển về huyện E làm, không về nhà bà ở nhưng cả hai vẫn liên hệ điện thoại qua lại. Chỉ từ khi ông T gửi Đơn ly hôn mới không liên lạc được, do ông T chặn cuộc gọi của bà và gia đình bà.

Nay trước yêu cầu ly hôn của ông T, bà xác định vẫn còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, vẫn có thể hàn gắn và tiếp tục chung sống nên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: không có
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà P, kết quả xác minh:

- Bà Huỳnh Thị P1 là mẹ ruột của bà P xác định: Theo bà giữa ông T với bà P không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nhưng trong quá trình vợ chồng ông T bà P sống chung bên gia đình bà, khoảng tháng 6 năm 2018 bà đi Đà Lạt chơi không có nhà, chồng bà mới mở mắt nên ở nhà, đến tối bà điện thoại về hỏi thì biết ông chưa ăn cơm và T đã về nhà từ trưa nhưng không nấu cơm để cha con ăn, trong khi bà đi thì đã mua đồ ăn dự trữ sẵn trong tủ lạnh, nên bà bực mình và phàn nàn với chồng bà. Khi bà đi chơi về bà không có phàn nàn gì với T. Sau đó bà có đến nhà ba của ông T nói về việc này, mục đích bà nói là giữa người lớn với nhau để dạy con chứ không có ý gì khác, qua sự việc đó thì T vẫn sinh hoạt trong gia đình bình thường, nhưng không bao lâu sau T chuyển đồ cá nhân đi từ từ, cho tới nay không còn tới lui gia đình bà nữa. Sau đó bà có đến nhà ba của T để nói chuyện và gặp T để giải tỏa rút mắc giữa hai bên, nhưng T tránh mặt và không nghe điện thoại nên bà không gặp được.

Về mâu thuẫn giữa vợ chồng T trong chuyện tiền bạc: Theo bà biết thì T có đưa cho P giữ 50.000.000 đồng và P gửi Ngân hàng, hôm T kêu P đưa tiền thì do tiền gửi Ngân hàng rơi vào thứ 7, Chủ Nhật không rút được. Từ đó T hiểu lầm về vợ, vì thương con nên bà đã đưa tiền của bà cho P chuyển trả cho T thì mọi chuyện đã giải quyết ổn thỏa, không mâu thuẫn gì hết.

Theo bà giữa vợ chồng T và P đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, cả hai có thể đoàn tụ được hay không là phụ thuộc vào ông T.

- Ông Châu Duy N là ba ruột của ông T xác định: Theo ông biết giữa ông T và bà P có mâu thuẫn: Về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày thì ông T với bà P và gia đình vợ có sự không hòa hợp, về chuyện tiền bạc chung của vợ chồng do bà P quản lý nhưng bà không có sự chia sẻ và tôn trọng T, khi ông T cần tiền để làm ăn kêu bà P đưa thì bà P không vui vẻ và còn nói là T có bạn giàu thì đi mượn bạn. Về cư xử lễ nghĩa với bên chồng bà P ít quan tâm, ít về nhà chồng, một năm có khi chỉ về được 2, 3 lần, cả khi đám giỗ mẹ chồng thì P cũng không về với lý do bận đi dạy học, có về thì cũng chỉ về dự chứ không lo liệu gì mặc dù nhà ông rất đơn chiếc, chỉ có mình T là con. Về mâu thuẫn giữa người lớn 2 bên gia đình cũng đã xảy ra, khi vợ chồng T có mâu thuẫn thì bà P cùng mẹ bà đã đến nhà ông bức xúc và phàn nàn về T. Giữa vợ chồng T và P đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, theo ông giữa T và P không có cơ hội đoàn tụ vì T đã cương quyết ly hôn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc T: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, giải quyết ông T được ly hôn với bà P, về tài sản chung của vợ chồng các bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về con chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Châu Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đinh Thị Huyền P do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Đinh Thị Huyền P có nơi cư trú tại 375/22, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Ông T và bà P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 04/8/2016 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Sau khi kết hôn năm 2016, ông T và bà P sống chung bên gia đình của bà P, cuộc sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh các mâu thuẫn như sau: Về lối sống, nề nếp sinh hoạt hàng ngày giữa ông T với bà P cùng gia đình bà P không hòa hợp; về vấn đề quản lý sử dụng tiền chung của vợ chồng, chỗ ở của vợ chồng, cách cư xử với gia đình người lớn 2 bên và mâu thuẫn giữa hai gia đình. Qua những sự việc nêu trên ông T đã bỏ về nhà ông từ tháng 8 năm 2018 đến nay, trong thời gian đó cả hai không hàn gắn được tình cảm và hiện tại vẫn còn tình trạng ly thân.

Nay ông T xác định không còn tình cảm với bà P, mâu thuẫn giữa vợ chồng quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông kiên quyết ly hôn với bà P.

Về bà P xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vẫn chưa trầm trọng, chỉ là hiểu lầm chứ bà và gia đình bà không có lỗi trong cách đối xử với ông T và ba ông T, nên bà không đồng ý ly hôn.

Kết quả xác minh, giữa vợ chồng ông T và bà P và với gia đình hai bên có mâu thuẫn, ông bà đã ly thân, đến hiện nay ông bà vẫn bất đồng quan điểm về những mâu thuẫn giữa cả hai và không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Qua đó hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa ông T và bà P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, ông T được ly hôn với bà P.

2.2 Về con chung: Ông T và bà P trình bày giữa ông bà không có con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Ông T và bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về nợ chung của vợ chồng: Ông T và bà P xác định trong thời gian vợ chồng chung sống ông bà không có nợ ai và cũng không ai nợ ông bà nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Ông T và bà P có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Ông Châu Ngọc T được ly hôn với bà Đinh Thị Huyền P.

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128 ngày 04/8/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Châu Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008742 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ông Châu Ngọc T và bà Đinh Thị Huyền P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/4/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh